

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ QUY TRÌNH, THỦ TỤC ĐẤU THẦU MUA SẴM GỖ, SẢN PHẨM GỖ Ở VIỆT NAM

VCCI 31/3/2021

Người trình bày: Ông Lê Văn Tăng

LOGO

PHẦN MỘT

**PHẠM VI VÀ
CÁC NGUYÊN TẮC CƠ BẢN
VỀ ĐẦU THẦU**



QUY ĐỊNH CHUNG

- Luật Đấu thầu số **43/2013**; Nghị định hướng dẫn số **63/2014/NĐ-CP** và các Thông tư hướng dẫn có liên quan.
- Có 4 loại hình đấu thầu: (1) Tuyển chọn Tư vấn; (2) Dịch vụ Phi tư vấn; (3) **Mua sắm hàng hóa**; (4) Xây lắp
- **MUA SẮM GỖ, SẢN PHẨM GỖ** được thực hiện theo quy trình **MUA SẮM HÀNG HÓA**

GIẢI THÍCH TỪ NGỮ (K25-Đ4-L43)

HÀNG HÓA gồm:

- Máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng;
- Hàng tiêu dùng;
- Thuốc, vật tư y tế dùng cho các cơ sở y tế

PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

Đ.1 - L61 + NĐ85

Dự án ĐTPT sử dụng vốn NN $\geq 30\%$

MS thường xuyên

Các DA mua sắm TS khác

Bổ sung thêm DV phi TV

LCNT
cung cấp
DVTV,
HH, XL

Đ.1 – Luật 43

a) Dự án ĐTPT của CQNN

b) Dự án ĐTPT của DNNN

c) Ngoài a và b, vốn NN, DNNN $\geq 30\%$ hoặc $< 30\%$ nhưng > 500 tỷ đồng

MS thường xuyên

SP, DV công

Hàng dự trữ QG

Thuốc, vật tư y tế

1. LCNT
cung cấp
DVTV,
DVPTV,
HH, XL

PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

L38 + L61 + ND85

Đ.1 – Luật 43

Không có
hướng dẫn

2. LCNT cung cấp DVTV, DVPTV, Hàng hóa ở VN đầu tư ra nước ngoài của DN Nhà nước $\geq 30\%$ hoặc $< 30\%$ nhưng > 500 tỷ đồng.

3. LCNĐT thực hiện DA đầu tư theo hình thức PPP, DA đầu tư có sử dụng đất.

4. LCNT đối với các dự án đầu tư phát triển trong lĩnh vực dầu khí, trừ LCNT cung cấp DV dầu khí liên quan trực tiếp đến hoạt động tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu khí theo quy định của pháp luật về dầu khí.

ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Đ. 2 - Luật 61



Đ.2 – Luật 43

Tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi điều chỉnh.

Tổ chức, cá nhân chọn áp dụng quy định của Luật này.



Áp dụng Luật ĐThầu, Điều ước QTẾ, Thỏa thuận QTẾ

Đ. 3 - Luật 61

1 Thuộc phạm vi phải tuân thủ quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3 Trường hợp đặc thù về ĐT có quy định ở luật khác thì áp dụng theo luật đó.

4 ODA, vốn vay ưu đãi theo quy định của điều ước và thỏa thuận QT đó.

Đ. 3 – Luật 43

1 Thuộc phạm vi phải tuân thủ quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2 Trừ LCNT cung cấp nguyên liệu... bảo đảm tính liên tục, PPP. Doanh nghiệp phải ban hành quy định về LCNT.

3 ODA, vốn vay ưu đãi theo quy định của điều ước và thỏa thuận QT đó.

4 Điều ước QT có quy định khác thì theo Điều ước QT đó.

VỐN NHÀ NƯỚC

K.1 - Đ.3 - Luật 61



K.44 - Đ.4 - Luật 43

1

Vốn NSNN

2

Vốn tín dụng do **NN** bảo lãnh

3

Vốn tín dụng ĐTPT của NN

4

Vốn ĐTPT của DNNN

5

Các vốn khác do NN quản lý

1

Vốn NSNN

2

Vốn tín dụng do **CP** bảo lãnh

3

Vốn tín dụng ĐTPT của NN

4

Vốn ĐTPT của DNNN

5

Công trái QG, Trái phiếu CP, Trái phiếu chính quyền địa phương

6

Vốn hỗ trợ PT chính thức, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ

7

Vốn từ quỹ PT hoạt động sự nghiệp

8

Vốn vay được bảo đảm bằng tài sản của NN

9

Giá trị quyền sử dụng đất

NGUYÊN TẮC

- **CẠNH TRANH**
- **CÔNG BẰNG**
- **KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ (WTO; CPTTP; EVFTA...)**
- **MINH BẠCH**
- **HIỆU QUẢ KINH TẾ**

PHẦN HAI

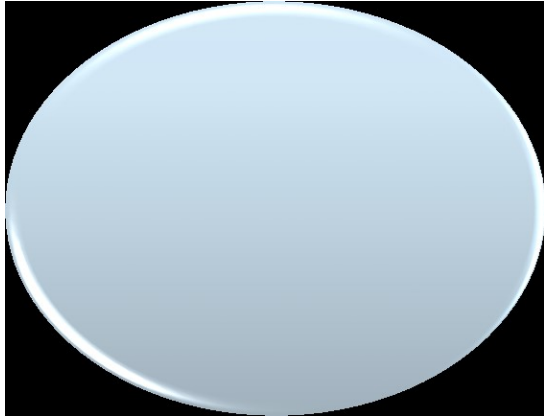
CÁC HÌNH THỨC VÀ PHƯƠNG THỨC ĐẤU THẦU MUA SẮM HÀNG HÓA



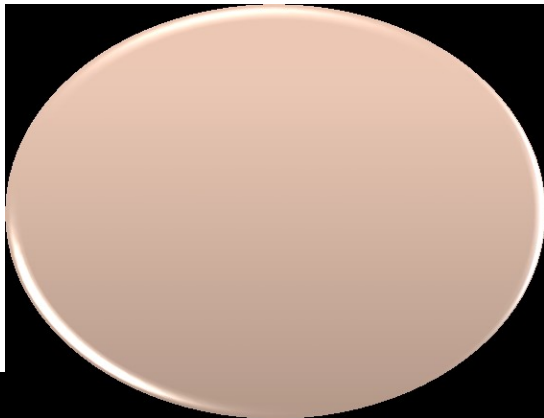
Hình thức lựa chọn nhà thầu

- 1. Đấu thầu rộng rãi;**
- 2. Đấu thầu hạn chế;**
- 3. Chỉ định thầu;**
- 4. Chào hàng cạnh tranh;**
- 5. Mua sắm trực tiếp;**
- 6. Tự thực hiện;**
- 7. Gói thầu có sự tham gia của cộng đồng;**
- 8. Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt.**

Đấu thầu rộng rãi (Đ20-L43)



Không hạn chế
số lượng



Gói thầu, DA, trừ trường
hợp quy định tại các
hình thức khác

Đấu thầu hạn chế (Đ21-L43)

Gói thầu yêu cầu cao về Kỹ thuật hoặc Kỹ thuật có tính đặc thù mà chỉ có một số Nhà thầu đáp ứng.

Chỉ định thầu (Đ22-L43)

- Sự cố bất khả kháng, bí mật...
- Chủ quyền QG...
- Tính tương thích, bản quyền...
- Quyền tác giả....
- Công trình hạ tầng, bom, mìn...
- Sản phẩm dịch vụ công, trong hạn mức tại Điều 54 NĐ 63

Chào hàng cạnh tranh (Đ23-L43)

1. Theo hạn mức

a) DVPTV thông dụng, đơn giản; MSHH thông dụng, sẵn có ≤ 5 tỷ

b) DVPTV thông dụng, đơn giản ≤ 500 tr

c) MSHH thông dụng, sẵn có; Xây lắp đơn giản ≤ 1 tỷ

d) Mua sắm thường xuyên ≤ 200 tr

2. Điều kiện

a) KHLCNT được phê duyệt

b) Dự toán được phê duyệt

c) Đã được bố trí vốn.

Mua sắm trực tiếp (Đ24-L43)

- ▶ – Thuộc cùng một DA, DTMS hoặc khác
- ▶ – Điều kiện:
 - ▶ + Trúng thầu ĐTRR hoặc ĐTHC
 - ▶ + Tương tự và quy mô nhỏ hơn 130%
 - ▶ + Không vượt đơn giá trúng thầu
 - ▶ + Thời hạn không quá 12 tháng
- ▶ – NT trúng thầu không có khả năng tiếp tục, áp dụng với nhà thầu khác

Phương thức lựa chọn nhà thầu (Đ28-30-L43)

- 1. Một giai đoạn một túi hồ sơ;**
- 2. Một giai đoạn hai túi hồ sơ;**
- 3. Hai giai đoạn một túi hồ sơ;**
- 4. Hai giai đoạn hai túi hồ sơ.**

Loại hợp đồng (Đ62-L43)

1. Trọn gói
2. Theo đơn giá cố định
3. Theo đơn giá điều chỉnh
4. Theo thời gian

PHẦN BA

QUY TRÌNH, THỦ TỤC, CÁC BƯỚC ĐẦU THẦU MUA SẴM HÀNG HÓA

PHƯƠNG THỨC ĐẦU THẦU

**MỘT GIAI ĐOẠN
MỘT TÚI HỒ SƠ**



▶ Phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ (Đ.28-L.43)

Trường hợp áp dụng

- ĐTRR, ĐTHC (Hàng hóa quy mô nhỏ);
- Chào hàng cạnh tranh (Hàng hóa);
- Chỉ định thầu
- MSTT

**Gồm
ĐXKT và
TC**

**Việc mở
thầu
được
tiến
hành 1
lần.**

Quy trình chi tiết

(Đ.11-NĐ63)

1. Chuẩn bị

2. Tổ chức

3. Đánh giá HSDT

4. Thương thảo HĐ

5. Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai KQ LCNT chọn nhà thầu.

6. Hoàn thiện, ký kết hợp đồng.

KT hợp lệ: số lượng; thành phần HSDT

Đáp ứng

Đánh giá hợp lệ: gốc, đơn, hiệu lực HSDT, bảo đảm...

Đáp ứng

ĐG NL, KN -> TCĐG

Đáp ứng

ĐG KT, giá -> Tiêu chuẩn và PP

Đáp ứng

Xác định giá thấp nhất, giá đánh giá

Lập BC

BC: DS xem xét, xếp hạng, thứ tự; DS không đáp ứng, lý do; nhận xét; phù hợp của ND HSMT

PHƯƠNG THỨC ĐẦU THẦU

**MỘT GIAI ĐOẠN
HAI TÚI HỒ SƠ**

▶ **Phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ (Đ.29-L.43)**

**Trường hợp
áp dụng**

• **ĐTRR, ĐTHC
(Hàng hóa, Hỗn hợp)**

Nộp đồng thời ĐXKT và ĐXTC riêng biệt.

Việc mở thầu được tiến hành 2 lần.

**ĐG HSĐX KT
(Đ.28 – NĐ.63)**

```
graph LR; A[ĐG HSĐX KT (Đ.28 – NĐ.63)] --- B[1. KT hợp lệ]; A --- C[2. ĐG hợp lệ]; A --- D[3. ĐG NL, KN]; A --- E[4. ĐG KT];
```

1. KT hợp lệ

2. ĐG hợp lệ

3. ĐG NL, KN

4. ĐG KT

Mở HSĐX TC (Đ.29-NĐ.63)

1. KT túi đựng HSĐX TC



2. Mở

DS đáp ứng KT, xác nhận
thư giảm giá

Mở theo tên, KT niêm phong, đọc
thông tin (tên, số lượng, đơn, hiệu
lực, giá, giảm giá, điểm KT, khác



3. Biên bản

Thông tin 1 và 2, BMT, NT ký

BMT ký bản gốc HSĐX TC

PHƯƠNG THỨC ĐẦU THẦU

**HAI GIAI ĐOẠN
MỘT TÚI HỒ SƠ**

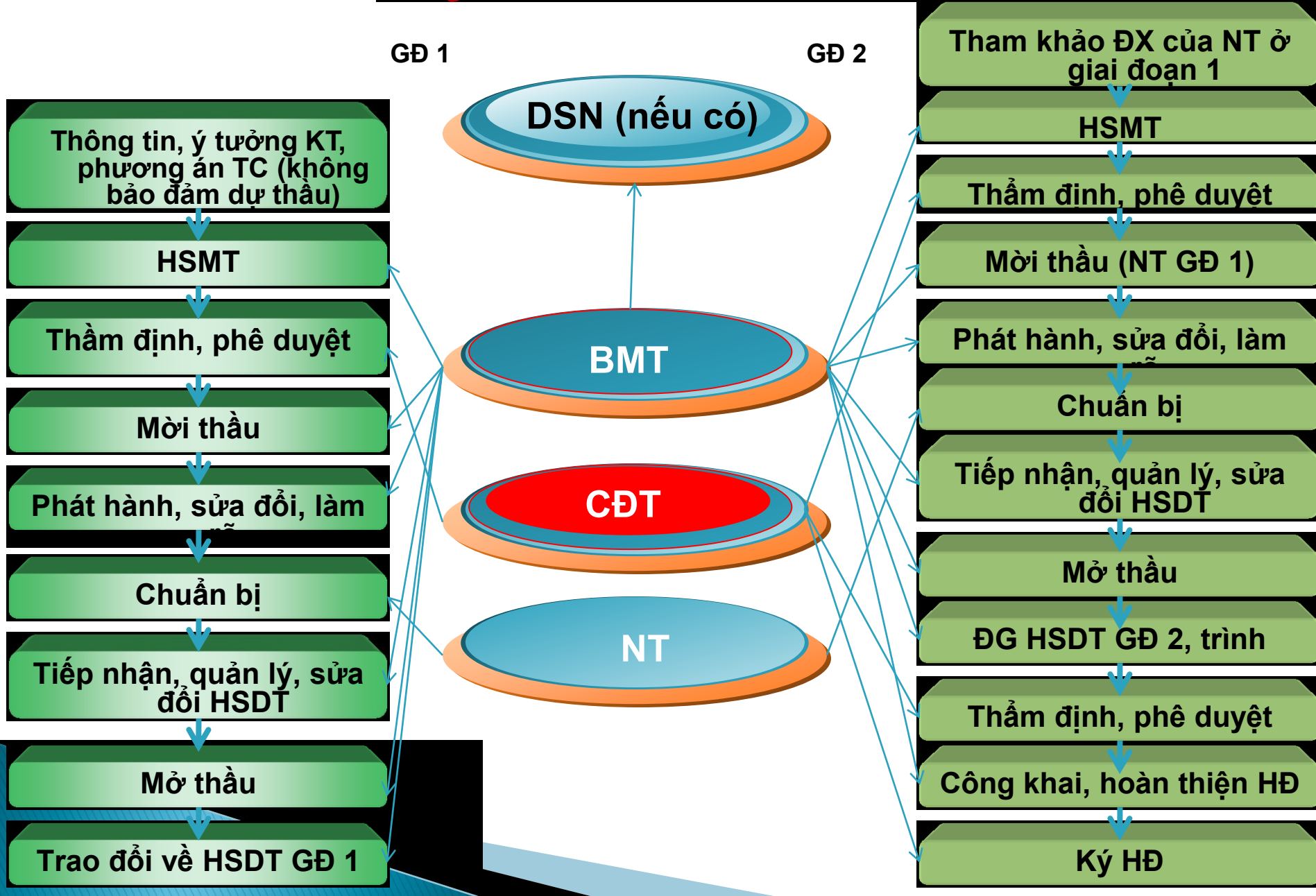
Phương thức hai giai đoạn một túi hồ sơ

1. ĐTRR, ĐTHC (Hàng hóa, Hỗn hợp có quy mô lớn, phức tạp).

2. GĐ 1: nộp ĐXKT, phương án TC (chưa có giá dự thầu).

3. GĐ 2: mời NT đã tham gia GĐ 1. HSDT gồm ĐXKT và ĐXTC (có giá dự thầu và bảo đảm dự thầu).

Quy trình 2 GD 1 túi HS



PHƯƠNG THỨC ĐẦU THẦU

**HAI GIAI ĐOẠN
HAI TÚI HỒ SƠ**

Phương thức hai giai đoạn hai túi hồ sơ (Đ.31-L.43)

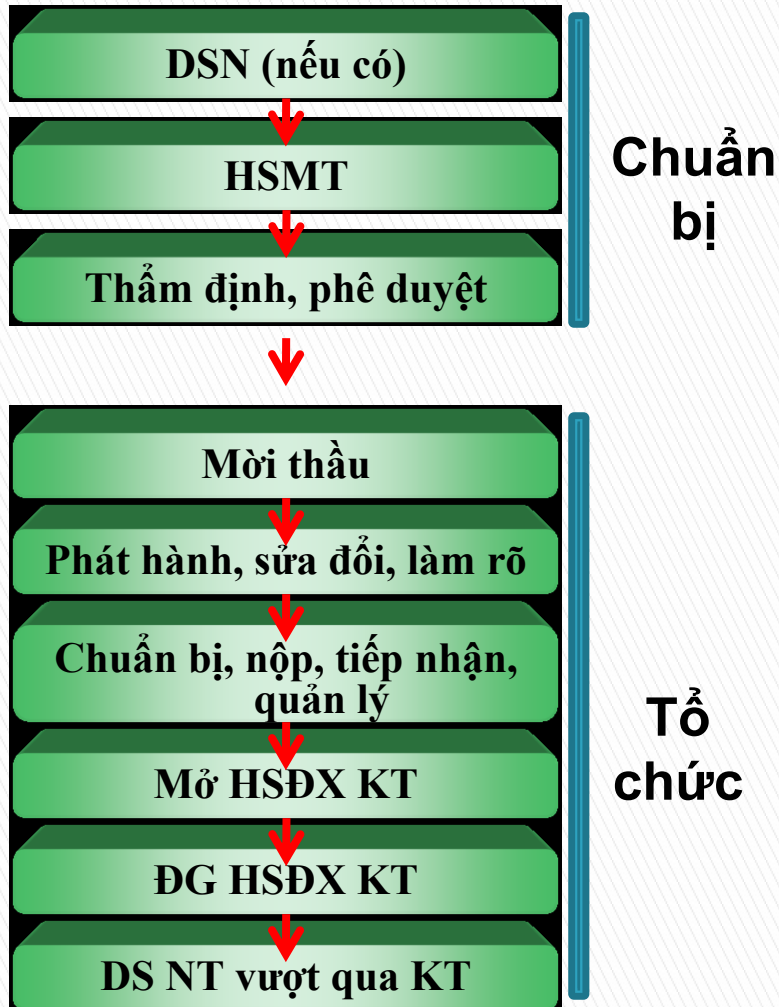
1. ĐTRR, ĐTHC (Hàng hóa, Hỗn hợp có KT, công nghệ mới, phức tạp, có tính đặc thù).

2. GĐ 1: nộp đồng thời ĐXKT và ĐXTC riêng biệt. ĐXKT sẽ được mở ngay. ĐXTC được mở ở GĐ2.

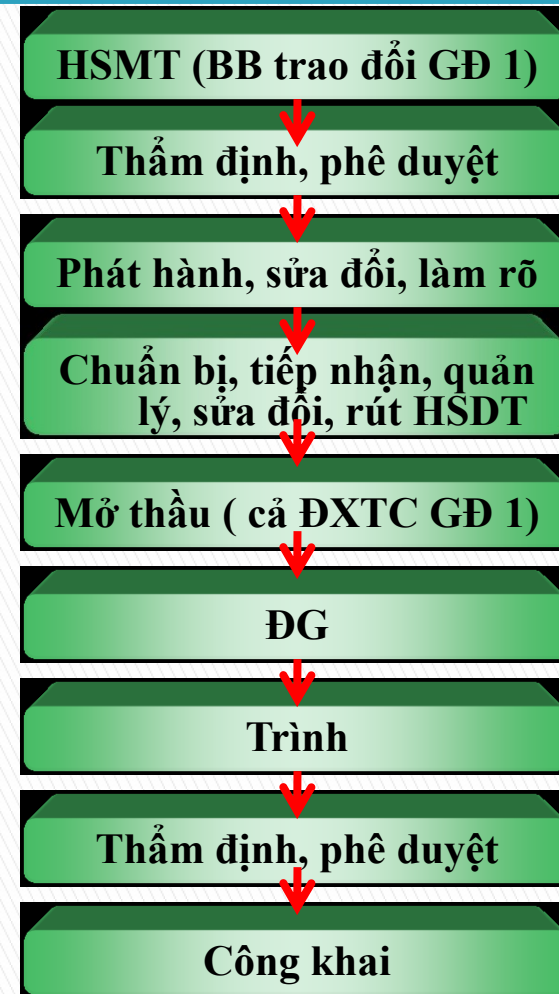
3. GĐ 2: mời NT đáp ứng yêu cầu GĐ 1, gồm ĐXKT và ĐXTC theo HSMT GĐ2 tương ứng với hiệu chỉnh KT. HSĐXTC GĐ 1 sẽ được mở đồng thời với HSĐT GĐ2.

Quy trình LCNT 2 GĐ 2 túi HS

Giai đoạn 1



Giai đoạn 2



**CHỈ ĐỊNH THẦU,
CHÀO HÀNG CẠNH TRANH,
MUA SẴM TRỰC TIẾP,
TỰ THỰC HIỆN**

500 triệu
(DVTV,
DVPTV, DV
công)

Hạn mức
**CHỈ
ĐỊNH
THẦU**
(Đ.54-
NĐ.63)

1 tỷ (Hàng
hóa, Hỗn
hợp, mua
thuốc, vật
tư y tế, SP
công)

100 triệu
(MSTX)

Quy trình Chỉ định thầu thông thường (Đ.55-NĐ.63)

Chuẩn
bị

Tổ chức

ĐG
HSDX
và
thương
thảo ĐX
của NT

Trình,
TĐ, phê
duyet,
công
khai

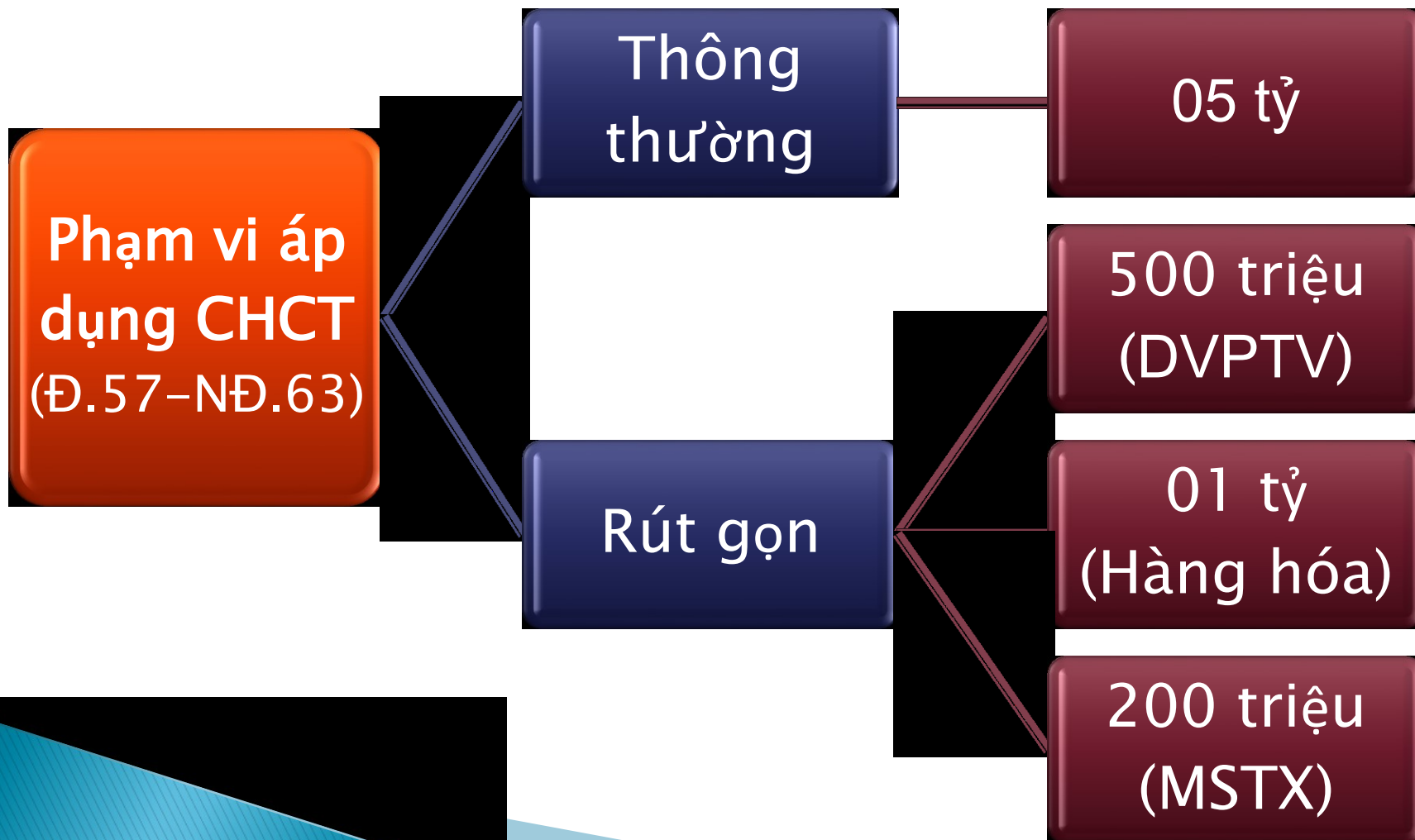
Hoàn
thiện,
ký kết
hợp
đồng

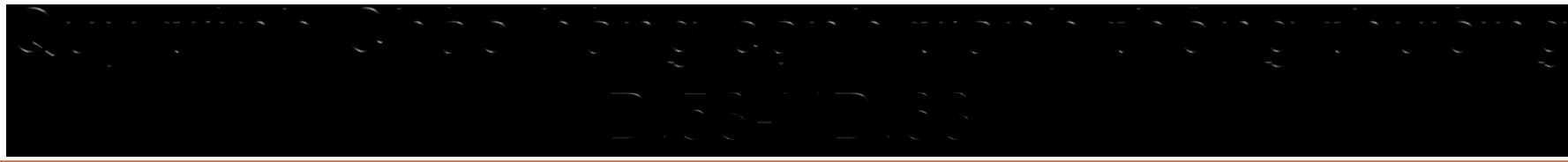
**Điểm a K.1 Đ.22
Luật đấu thầu**

Đ.54 - NĐ.63



CHÀO HÀNG CẠNH TRANH





1. Chuẩn bị



2. Tổ chức



3. ĐG HSDX và thương thảo HĐ



4. Trình, TĐ, phê duyệt và công khai



5. Hoàn thiện, ký kết

6. Thời gian trong CHCT Thông thường



Chuẩn bị và gửi yêu cầu báo giá



Nộp và tiếp nhận báo giá



ĐG báo giá



Trình, TĐ phê duyệt và công khai



Hoàn thiện và ký kết

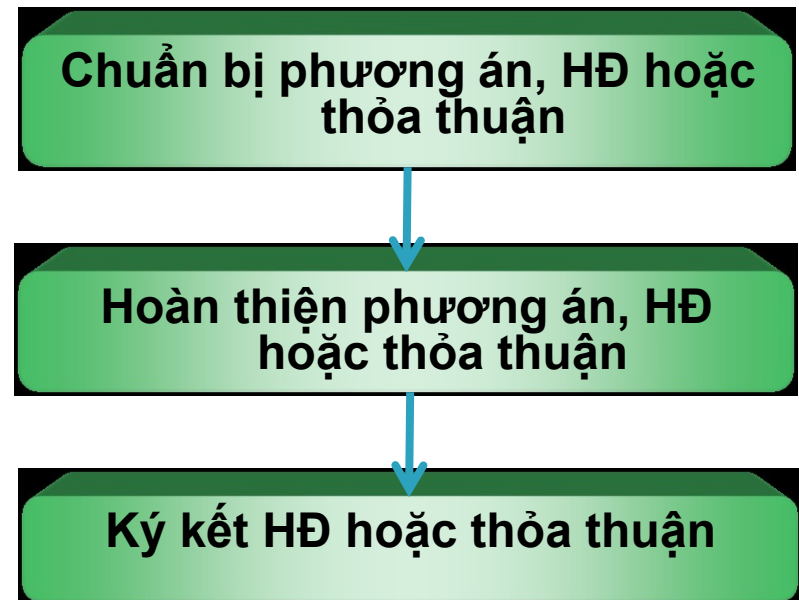
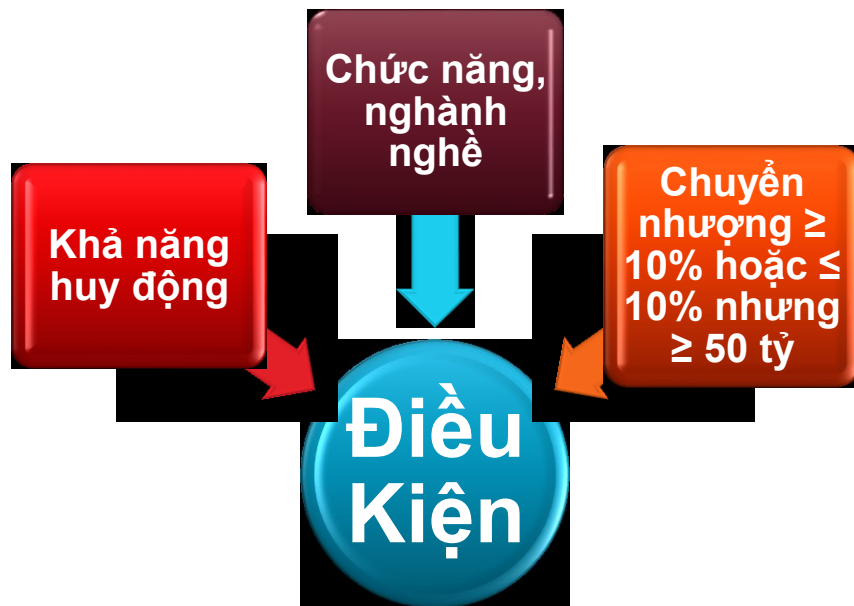
MUA SẴM TRỰC TIẾP

Quy trình mua sắm trực tiếp (Direct Buy)



TỰ THỰC HIỆN

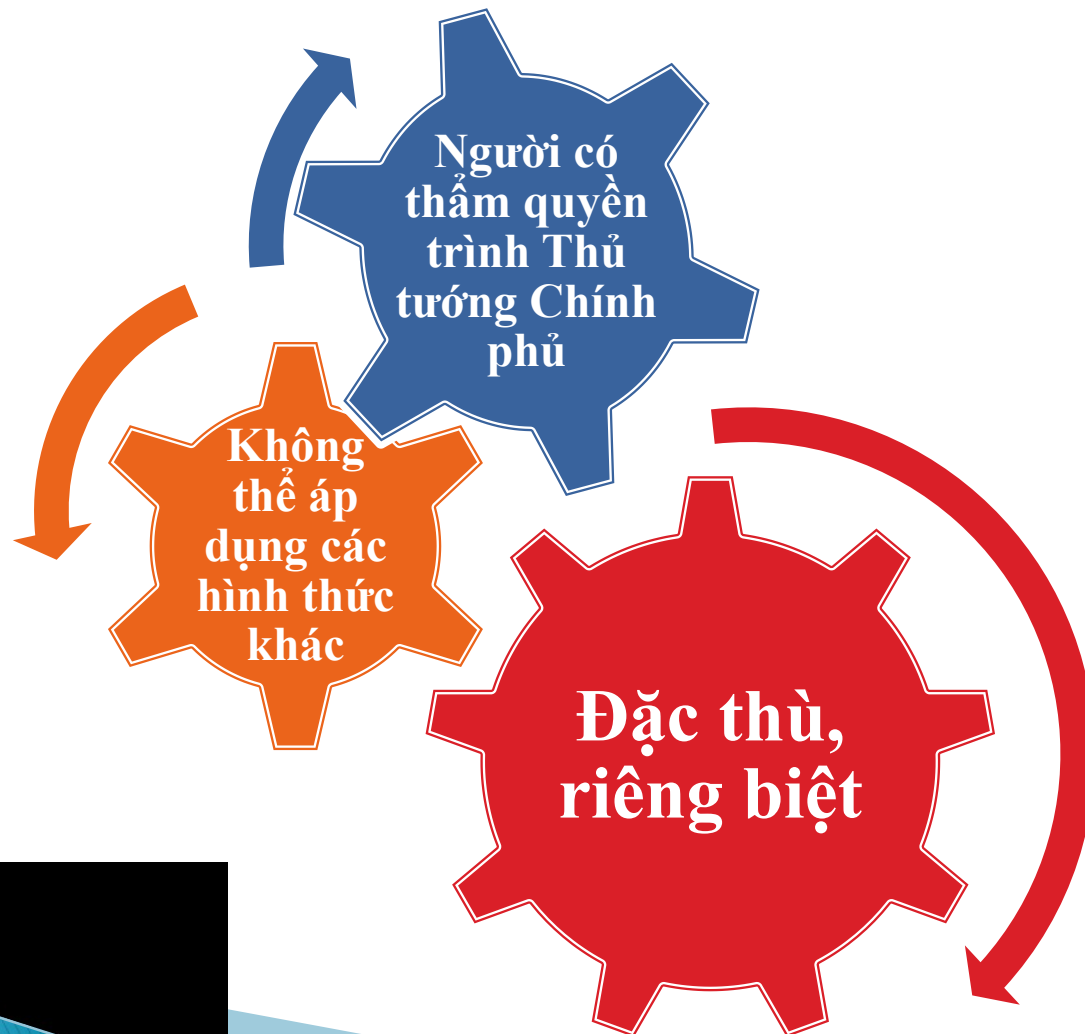
Điều kiện áp dụng và Quy trình tự thực hiện (Đ.61, 62-NĐ.63)



PL chuyên ngành quy định phải có TVGS

LCNT TRONG TH ĐẶC BIỆT

(Đ.26-L.43)



PHẦN BỐN

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN



1. Phê duyệt KH

2. Giải quyết kiến nghị

3. Xử lý vi phạm

4. Hủy thầu

5. Đình chỉ cuộc thầu, không công nhận KQ

6. Kiểm tra, giám sát, theo dõi

7. Lựa chọn nhà thầu:

a) Điều chỉnh nhiệm vụ và thẩm quyền của CĐT;

b) Yêu cầu cung cấp tài liệu;

c) Ý kiến xử lý tình huống.

8. Lựa chọn nhà đầu tư

a) Quyết định BMT;

b) Phê duyệt hồ sơ, KQ;

c) Xử lý tình huống;

d) Ký và quản lý thực hiện HĐ;

đ) Hủy thầu;

e) Yêu cầu cung cấp tài liệu

9. Quyết định thành lập bên mời thầu

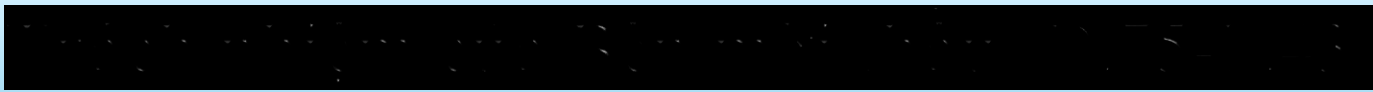
10. Bồi thường thiệt hại

11. Giải trình

12. Thực hiện trách nhiệm khác

- 1. Phê duyệt (LCNT)**
 - a) KH (trước khi có QĐ phê duyệt DA);**
 - b) HSMQT, HSMST, DS ngắn;**
 - c) HSMT, HSYC;**
 - d) DS xếp hạng;**
 - e) Kết quả.**
- 2. Ký hoặc ủy quyền ký HĐ**
- 3. QĐ thành lập BMT**
- 4. Xử lý tình huống**
- 5. Giải quyết kiến nghị**
- 6. Bảo mật**

- 7. Lưu trữ**
- 8. Báo cáo công tác**
- 9. Bồi thường thiệt hại**
- 10. Hủy thầu**
- 11. Trước pháp luật và người có thẩm quyền**
- 12. Cung cấp thông tin**
- 13. Tại Điều 75 (CĐT=BMT)**
- 14. Trách nhiệm khác**



a) Chuẩn bị; tổ chức; đánh giá

b) QĐ thành lập Tổ chuyên gia

c) Làm rõ

d) Trình duyệt hồ sơ, kết quả

đ) Đàm phán hợp đồng

e) Bồi thường thiệt hại

g) Bảo mật

h) Lưu trữ

i) Giải quyết kiến nghị

k) Trung thực, khách quan, công bằng

l) Cung cấp thông tin

Trách nhiệm của Tổ chuyên gia (Đ.76-L.43)

1. Trung thực, khách quan, công bằng

2. Đánh giá theo đúng yêu cầu

3. Báo cáo BMT về KQ

4. Bảo mật

5. Bảo lưu ý kiến

6. Bồi thường thiệt hại

7. Cung cấp thông tin

8. Thực hiện các trách nhiệm khác

Trách nhiệm của Nhà thầu (Đ.77-L.43)

1. Yêu cầu bên mời thầu làm rõ

2. Thực hiện các cam kết

3. Kiến nghị, khiếu nại, tố cáo

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về đấu thầu

5. Bảo đảm trung thực, chính xác

6. Bồi thường thiệt hại

7. Cung cấp thông tin

8. Thực hiện các trách nhiệm khác



▶ Ngoài các trách nhiệm quy định tại

1. Cơ sở hạ tầng CNTT đáp ứng yêu cầu.

2. Quản lý và không tiết lộ khoá bí mật.

3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của các thông tin.

4. Kiểm tra và xác nhận việc đăng tải.

5. Tuân thủ quy định.

Trách nhiệm của **Bên mời thầu** tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (Đ.79-L43)

▶ Ngoài các trách nhiệm quy định tại

1. Cơ sở hạ tầng CNTT đáp ứng yêu cầu.

2. Quản lý và không tiết lộ khoá bí mật.

3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của các thông tin.

4. Chịu trách nhiệm về KQ

5. Tuân thủ quy định

Trách nhiệm của **Nhà thầu** tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (Đ.80-L43)

PHẦN NĂM

HỎI ĐÁP ?



TRÂN TRỌNG CẢM ƠN

LOGO